TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số: 253A/2019/HNGĐ-ST Ngày: 10-10-2019 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Thanh Long.

Ông Võ Phước Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019. Về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ.

Địa chỉ: ấp 13, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, *có mặt.*

Bị đơn: Anh Lê Huy H.

Địa chỉ: khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị và anh Lê Huy H chung sống từ năm 1998, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, còn uống rượu, không chăm lo gia đình, chị Đ khuyên thì anh H kiếm chuyện đánh đập, khiến cuộc sống không hòa hợp, vợ chồng không hạnh phúc và luôn căng thẳng, chị Đ nhận thấy tiếp tục chung sống không hạnh phúc, nên yêu cầu ly hôn; Con chung có 02 con chung tên Lê Minh H, sinh năm 1999 và Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2003. Chị Đ yêu cầu nuôi con, chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng; Không tài sản; Không nợ chung.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu (bản sao); Bản tự khai Phạm Thị Đ (01 bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh tên Lê Minh Đ, Lê Minh H (bản sao).

Quá trình thu thập chứng cứ: Bị đơn anh Lê Huy H vắng mặt, nên chưa thể hiện ý kiến. Mặc dù, Tòa án đã tống Đ các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày chị và anh H không sống chung 04 năm, trong thời gian này, vợ chồng chị không quan tâm và không liên hệ nhau, hiện tại cuộc sống anh H thế nào chị cũng không biết. Chị yêu cầu được ly hôn với anh H và giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tố tụng: Chị Phạm Thị Đ có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Huy H và yêu cầu được nuôi con chung, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn anh Lê Huy H tại khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Huy H dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Lê Huy H chung sống từ năm 1998, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị Đ, anh H hợp pháp. Ngày 08/7/2019 chị Phạm Thị Đ có yêu cầu ly hôn, vì cho rằng anh H không lo làm ăn, không chăm lo gia đình. Chị Đ xác định không còn tình cảm với anh H. Anh Lê Huy H chưa thể hiện ý kiến. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…..". Tại Tòa chị Đ xác định không sống chung với anh H khoảng 04 năm, trong thời gian này chị Đ và anh H không quan tâm nhau, không liên hệ, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị Đ anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[3]. Con chung: chị Phạm Thị Đ khai có 02 con chung tên tên Lê Minh H, sinh năm 1999 và Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2003. Chị Đ cung cấp chứng cứ xác định anh H là cha của cháu H và cháu Đ là giấy khai sinh (bút lục 1, 2). Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị Đ thay đổi yêu cầu giao con cho anh H nuôi trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, do hiện tại cháu Đ đang sống chung với anh H. Từ khi thụ lý và giải quyết vụ án đến nay dù Tòa án đã tống Đ các văn bản cho anh Lê Huy H hợp lệ, nhưng anh H vẫn chưa thể hiện ý kiến. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình "Vợ chồng

thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con….", cháu Lê Minh H tính đến nay đã 20 tuổi, đã thành niên tự lo cho cuộc sống, không hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự nên Tòa không xem xét, cháu Lê Minh Đ đã 16 tuổi, tại biên bản xác minh (bút lục 23) thể hiện cháu Đ đang sống với anh H, theo anh H đi làm, chị Đ cũng đồng ý giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng. Do vậy, nên giao con chung tên Lê Minh Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Cấp dưỡng: anh Lê Huy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, tại Tòa vắng mặt, chưa yêu cầu chị Đ cấp dưỡng, nên Tòa chưa xem xét. Khi nào anh H yêu cầu, sẽ xem xét bằng vụ án khác.

[5]. Tài sản chung: Chị Phạm Thị Đ khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị Phạm Thị Đ khai không có, nên không xem xét.

[7]. Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Đ nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Đ.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Lê Huy H.

2. Con chung: Anh Lê Huy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2003. Chị Phạm Thị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn: Chị Phạm Thị Đ chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Đ đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0020472 ngày 16/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã Vị Trung,huyện Vị Thủy, HG;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Tuyết Mai